

Một số biện pháp hoàn thiện hệ thống sổ sách kế toán phục vụ công tác quản lý thuế hiện hành

Th.S.Nguyễn Thanh Sơn – CCT.Q.4. TP.HCM

1. THỰC TRẠNG, CÁC GIẢI PHÁP MỞ SỔ SÁCH KẾ TOÁN VÀ QUẢN LÝ THUẾ TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM

Tính đến cuối năm 2001, trên địa bàn TP.HCM có 168.273 cơ sở sản xuất kinh doanh với nhiều thành phần kinh tế và nhiều ngành nghề khác nhau. Trong đó, có 52.148 đơn vị giữ sổ sách kế toán và có 116.125 hộ kinh doanh không giữ sổ sách kế toán, thuộc diện hộ ổn định thuế (xem biểu mẫu dưới đây).

ĐVT: 1.000.000

TT	Tên thành phần kinh tế	Số đơn vị	Tiền thuế
1	DN Nhà nước	2.538	6.659
2	DN có vốn đầu tư nước ngoài	1.196	2.015
3	Công ty TNHH	12.964	738
4	DN tư nhân	6.574	153
5	Hợp tác xã	421	60
6	Tổ chức kinh tế khác	2.369	430
7	Hộ cá thể	142.211	1.197
	TD: Hộ khoán doanh số	116.125	978
8	Thu khác ngân sách	0	4.160
	TỔNG CỘNG	168.273	16.390

Ghi chú:

- Tổ chức kinh tế khác gồm có: doanh nghiệp không theo luật đầu tư nước ngoài; kinh tế Đảng, đoàn thể; đơn vị sự nghiệp có thu.
- Thu khác ngân sách gồm có: thu lệ phí trước bạ; thuế sử dụng đất nông nghiệp; thuế nhà đất; thuế chuyển quyền sử dụng đất; tiền sử dụng đất; thu tiền bán nhà v.v...

Số hộ sản xuất kinh doanh mở sổ sách kế toán theo chế độ kế toán thống kê: 52.148 cơ sở, chiếm tỷ lệ 30,99%, với doanh số là: 11,252 ngàn tỷ đồng, chiếm tỷ lệ 92,00%. Các hộ sản xuất kinh doanh không mở sổ sách kế toán: 116.125 cơ sở, chiếm tỷ lệ 69,01%, nhưng với mức doanh số 978 triệu đồng, chiếm tỷ lệ 8,00%.

Như vậy, các hộ kinh doanh có mở sổ sách, có số đơn vị ít 52.148 cơ sở, nhưng chiếm tỷ lệ thuế là 92,00%. Ngược lại, các hộ kinh doanh cá thể khoán ổn định doanh số, không mở sổ sách kế toán, có số đơn vị nhiều 116.125 cơ sở, nhưng chiếm tỷ lệ thuế là 8,00%.

Điều tất yếu, các hộ sản xuất kinh doanh có mở sổ sách phần lớn là các hộ kinh doanh có quy mô lớn; các hộ sản xuất kinh doanh không mở sổ sách phần lớn là các hộ có quy mô kinh doanh nhỏ. Tuy nhiên, các hộ sản xuất kinh doanh có quy mô nhỏ nếu không mở sổ sách kế toán thì rất khó trong công tác quản lý thuế, chúng ta có thể phân tích, đánh giá, nhận xét khi

có sự tác động quản lý các hộ kinh doanh này bằng sổ sách kế toán, dẫn đến số thuế thu được như sau:

1.1. Mở sổ sách kế toán đối với hộ kinh doanh cá thể:

Mở sổ sách kế toán ở khu vực cá thể, hộ khoán doanh số (doanh số ổn định 3 tháng, 6 tháng, năm); theo tinh thần Chỉ thị 02/2000/CT-BTC, ngày 24/10/2000 của Bộ trưởng Bộ tài chính và công văn số 2025/TCT-NV6, ngày 17/5/2000 của Tổng cục thuế, về việc giao chỉ tiêu thực hiện mở sổ sách kế toán ở khu vực cá thể có mức doanh thu bình quân tháng trên 30 triệu đồng, bậc môn bài: bậc 1, phải thực hiện chế độ sổ sách kế toán.

Theo báo cáo tổng kết công tác thuế năm 2001 của Cục thuế TP.HCM, ngày 10 tháng 01 năm 2002: “Chỉ tiêu Bộ giao thành phố là 50.000 hộ thực hiện giữ sổ sách kế toán, Cục thuế triển khai được 35.514 hộ và đến nay trên địa bàn TP.HCM có 28.758 hộ thực hiện sổ sách kế toán đạt 57,52% chỉ tiêu Bộ giao”.

- Hộ ổn định doanh số trên địa bàn TP.HCM: 116.125 cơ sở
- Hộ phải thực hiện sổ sách kế toán là: 72.210 cơ sở
- Hộ không phải thực hiện sổ sách kế toán là: 43.915 cơ sở
- Hộ thực hiện sổ sách kế toán đến ngày 31/12/2001: 28.758 cơ sở.

Nếu so sánh số hộ thực hiện sổ sách với số hộ phải thực hiện sổ sách và số hộ ổn định thuế có tỷ lệ như sau: số hộ thực hiện sổ sách chiếm tỷ lệ so với số hộ phải thực hiện là 39,83% và chiếm tỷ lệ so với hộ ổn định doanh số là 24,76%.

Sự phân chia về việc thực hiện sổ sách kế toán sẽ tạo ra hai khu vực, thực hiện, thực thi luật thuế khác nhau:

Khu vực 1: doanh số trên 30 triệu đồng/tháng, phần lớn là các cơ sở sử dụng hoá đơn GTGT, mở sổ sách kế toán, báo cáo tài chính và báo cáo thuế; đại bộ phận thực hiện quản lý thuế theo phương pháp khấu trừ, thuế GTGT và TNDN được thực hiện theo chế độ chứng từ hoá đơn, sổ sách kế toán, báo cáo tài chính và báo cáo thuế.

Khu vực 2: doanh số dưới 30 triệu đồng/tháng, phần lớn các đơn vị sử dụng hoá đơn bán hàng, không mở sổ sách, không báo cáo tài chính và không báo cáo thuế. Quản lý thuế GTGT và TNDN qua việc tính thuế lần đầu, khu vực này không thực hiện sổ sách kế toán và không chịu tác động của luật thuế ở mức độ nhất định.

Trong quá trình triển khai thực hiện chế độ sổ sách bước 1, tại TP.HCM với 28.758 hộ thì doanh số và thuế bình quân của các hộ phải giữ sổ sách kế toán và nộp thuế theo kê khai có tăng lên:

- Khi chưa mở sổ: doanh thu 58,77 triệu đồng; thuế 2,10 triệu đồng.
- Khi mở sổ: doanh thu 75,10 triệu đồng; thuế 2,42 triệu đồng.
- Tỷ lệ tăng: doanh thu +27,9%; thuế +15,2%.

1.1.1. Nhận xét:

Thông qua các số liệu và phân tích trên, cho ta thấy điều tất yếu là các đơn vị sản xuất kinh doanh nếu được mở sổ sách kế toán đầy đủ theo chế độ kế toán hiện hành thì việc quản lý thuế tốt hơn, người kinh doanh thực hiện nghĩa vụ nộp thuế tốt hơn.

Ta thấy việc mở sổ sách kế toán làm cho doanh số và số thuế tăng lên; việc mở sổ sách đối với các hộ kinh doanh cá thể là rất cần thiết, tạo điều kiện cho cơ sở xác định được kết quả kinh

doanh, xác định được số thuế phải nộp qua kỳ kinh doanh và định ra chiến lược phát triển trong tương lai; giúp cho cơ quan thuế quản lý được thuận lợi, giảm bớt hiện tượng trốn thuế, ản lậu thuế làm thất thu ngân sách Nhà nước.

Tính đến ngày 31/12/2001 thì tỷ lệ các hộ đã mở sổ sách kế toán so với các hộ phải mở sổ sách kế toán là 39,82%; như vậy các hộ cá thể tiếp tục thực hiện mở sổ sách kế toán còn chiếm tỷ lệ khá lớn: 60,18%, tương ứng 43.452 cơ sở.

1.1.2. Kiến nghị:

Các cơ sở cá thể tiếp tục hoàn thiện việc mở, đăng ký, ghi chép, khoá sổ và lưu trữ sổ sách kế toán đối với các hộ cá thể kinh doanh có quy mô sản xuất lớn. Thực hiện mở sổ sách kế toán theo Quyết định 169/2000/QĐ-BTC, ngày 25 tháng 10 năm 2000 về việc ban hành chế độ kế toán hộ kinh doanh; tạo điều kiện thuận lợi cho cơ sở sản xuất kinh doanh thực hiện việc ghi chép sổ sách kế toán được dễ dàng, báo cáo thuế được nhanh chóng, kịp thời.

Một số hộ cá thể hiện nay do không lưu giữ chứng từ đầu vào đầy đủ, nên chưa thực hiện việc mở sổ sách kế toán. Theo tôi, trong thời gian đầu vận động thực hiện thì dùng biện pháp giáo dục, hướng dẫn; nếu quá thời gian quy định hướng dẫn thì cần có các biện pháp chế tài cụ thể để đưa các hộ kinh doanh cá thể này vào nề nếp, đồng thời cán bộ quản lý thuế thường xuyên tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát, hướng dẫn cơ sở thực hiện tốt công tác ghi chép sổ sách và thực hiện các biện pháp chế tài khi cần thiết đối với các cơ sở cố tình gây cản trở công tác thực hiện mở sổ sách kế toán.

1.2. Mở sổ sách kế toán đối với doanh nghiệp tư nhân vàng bạc và cầm đồ:

Qua phân tích trên ta thấy sự cần thiết khách quan và vai trò quan trọng trong việc mở sổ sách kế toán các hộ kinh doanh cá thể đối với công tác quản lý thuế như thế nào; thì các doanh nghiệp thuộc diện mở sổ sách kế toán hiện nay còn nhiều bất cập cần được chấn chỉnh sao cho phù hợp.

Thực trạng việc mở sổ sách các hộ kinh doanh ngành nghề vàng bạc, cầm đồ hiện nay:

Doanh nghiệp tư nhân ngành vàng bạc mở sổ sách kế toán gồm:

- Sổ nhật ký mua hàng.
- Sổ nhật ký bán hàng.
- Sổ tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm.
- Sổ xuất nhập tồn vật tư, sản phẩm, hàng hoá.

Doanh nghiệp tư nhân ngành cầm đồ mở sổ sách kế toán gồm:

- Sổ cầm đồ
- Sổ chuộc đồ
- Sổ xác định doanh số và kết quả kinh doanh
- Sổ bán hàng thanh lý.

Nhìn chung, các hộ kinh doanh trên có mở sổ sách kế toán phục vụ riêng theo đặc trưng của ngành mình, có đăng ký với cơ quan thuế có đóng dấu giáp lai và đánh số trang, có cập nhật, ghi chép nhưng không đối đầy đủ theo từng chứng từ mua vào bán ra.

Ngành vàng bạc chứng từ hoá đơn mua vào lưu trữ không đầy đủ do hàng nhập vào đại bộ phận là mua trôi nổi trên thị trường, nên không có hoá đơn đầu vào; chứng từ bán ra thì việc

ghi chép, xuất hoá đơn bán cho khách hàng không đầy đủ, do nhu cầu người mua không cần xuất hoá đơn Bộ tài chính (chỉ cần xuất hoá đơn tự in có chứng nhận nhãn hiệu của cơ sở).

Việc mở sổ sách kế toán của các cơ sở trên theo hình thức kế toán đơn, tập hợp chi phí, xác định kết quả kinh doanh theo phương pháp kế toán đơn.

Các hộ kinh doanh này, mang tên là doanh nghiệp tư nhân nhưng không đăng ký thuế theo phương pháp khấu trừ (mã thuế số 1), mà đăng ký thuế theo dạng khoán doanh số, thuộc diện ổn định doanh số 3 tháng hoặc 6 tháng (mã thuế số 4). Như vậy, các cơ sở này thực hiện kê khai đăng ký thuế không đúng theo quy mô kinh doanh, nhưng trong điều kiện đặc thù của ngành nên không thể đưa vào nguyên tắc chung về quản lý thuế.

1.2.1. Nhận xét:

- Về tư cách pháp nhân, giấy phép hoạt động kinh doanh do Sở Kế hoạch và đầu tư thành phố cấp.
- Về chứng từ hoá đơn đầu vào, đầu ra cơ sở có ghi chép và lưu trữ nhưng không đầy đủ.
- Về sổ sách: do từ nguyên nhân chứng từ ghi chép không đầy đủ, nên dẫn đến sổ sách cũng không đầy đủ, việc ghi chép sổ sách chỉ mang hình thức, đối phó với cơ quan thuế, không có tác dụng cho công tác kiểm tra, kiểm soát thuế.

Do vậy, doanh nghiệp tư nhân hoạt động kinh doanh theo ngành nghề vàng bạc và cầm đồ không phản ánh đúng doanh thu tính thuế phát sinh thực tế hàng tháng từ đó dẫn đến còn nhiều vấn đề bất cập trong việc thực hiện chế độ sổ sách kế toán.

1.2.2. Kiến nghị:

- Giáo dục người dân có tinh thần góp phần thực hiện nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước. Muốn vậy, mọi người dân có hoạt động sản xuất kinh doanh hoặc không có hoạt động sản xuất kinh doanh đều phải có hiểu biết về luật thuế GTGT, TNDN, và các luật thuế khác, để từ đó người mua hàng và người bán hàng tự nguyện thực hiện việc xuất hoá đơn và nhận hoá đơn Bộ Tài chính hoặc hoá đơn đặc thù.

Đề mọi người dân quan tâm đến việc thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước. Có nên chăng, trước hết ngành giáo dục đưa chương trình giáo dục về thuế, thành một môn học thực sự trong chương trình phổ thông trung học, để các em có ý thức từ lúc thanh thiếu niên phải có trách nhiệm và nghĩa vụ đối với đất nước là điều tất yếu và cần thiết trong mỗi người công dân.

- Tăng cường công tác quản lý thu chi qua ngân hàng đối với các hộ kinh doanh vàng bạc, cầm đồ có tiền với số lượng lớn, khi mua bán hoạt động kinh doanh của ngành này phải thực hiện thanh toán qua ngân hàng, nhằm tạo điều kiện cho công tác quản lý thuế và bảo vệ được tài sản của người dân.

- Bộ Tài chính và Tổng cục thuế nên phát hành một loại hoá đơn riêng biệt cho ngành vàng bạc và cho ngành cầm đồ, để từ đó người dân khi mua hàng hoặc cầm đồ cần có một hoá đơn đầy đủ các yếu tố cần thiết, đủ sự tin nhiệm về một lượng hàng hoá đã nhận từ ngành vàng bạc hoặc giao cho ngành cầm đồ cất giữ trong một thời gian nhất định.

Căn cứ vào chứng từ hoá đơn, các cơ sở sản xuất kinh doanh của hai ngành trên, thực hiện việc ghi chép sổ sách đúng theo chế độ kế toán hiện hành, hạch toán kế toán kép, có báo cáo tài chính và báo cáo thuế theo quy định của ngành thuế.

Tóm lại, việc tăng cường biện pháp giáo dục và việc nâng cao biện pháp quản lý của Nhà nước hai biện pháp phải đi song song với nhau, hỗ trợ nhau; từ đó tạo điều kiện cho người dân thực hiện nghĩa vụ của mình với ngân sách Nhà nước được.

1.3. Việc áp dụng sổ sách kế toán qua máy vi tính:

Điều 22, nhưng quy định cụ thể chế độ sổ sách kế toán, trong Quyết định 1141/TC/QĐ/CĐKT, ngày 1/11/1995 của Bộ trưởng Bộ Tài chính có ghi: “trường hợp ghi sổ bằng máy vi tính thì cuối kỳ kế toán sau khi hoàn thành các công việc ghi sổ và khoá sổ phải in toàn bộ hệ thống sổ tổng hợp và sổ chi tiết để lưu trữ và phục vụ công tác kiểm tra, kiểm toán, thanh tra tài chính”.

Sửa chữa sổ sách trên máy vi tính áp dụng tương tự như sửa chữa sổ sách trên sổ thủ công, tuy nhiên phần sửa chữa trên máy được bổ sung thêm là phải sửa chữa trên máy và lưu trữ tờ sổ mới cùng tờ sổ có sai sót để thuận tiện cho việc kiểm tra, kiểm soát.

Căn cứ công văn số 74/TC/CĐKT, ngày 25/9/1996 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ghi sổ bằng máy vi tính: “phải thực hiện đúng các quy định trong chế độ sổ kế toán”.

Trên thực tế tại địa bàn TP.HCM, phần lớn cơ sở thực hiện sổ sách kế toán qua máy vi tính: mở sổ kế toán không đăng ký với cơ quan thuế, không đánh số trang và đóng dấu giáp lai giữa các trang sổ với nhau; khoá sổ kế toán không ký tên kế toán trưởng, ký tên giám đốc và đóng dấu.

Sửa chữa sổ sách kế toán bằng máy vi tính chưa được quy định cụ thể rõ ràng, phần lớn sửa chữa sổ sách qua máy vi tính không được thể hiện trên sổ vì việc sửa chữa đã được trực tiếp trên máy và được thay thế tờ sổ sai sót bằng tờ sổ mới, nên việc kiểm tra, kiểm soát, đối chiếu các sai sót rất khó khăn.

1.3.1. Nhận xét:

Quản lý sổ sách kế toán qua máy vi tính chưa được cụ thể, rõ ràng, còn nhiều vấn đề bất cập với thực tế hiện nay và chưa chặt chẽ so với quản lý sổ sách kế toán bằng thủ công.

Việc sửa chữa sổ sách kế toán trên máy vi tính được thuận lợi, dễ dàng hơn việc sửa chữa sổ sách kế toán thủ công, dẫn đến việc quản lý sổ sách kế toán trên máy vi tính còn nhiều bất cập với công tác quản lý thuế.

Cách thức sửa chữa sổ sách kế toán thủ công về cơ bản có khác biệt hơn so với cách thức sửa chữa sổ sách trên máy vi tính:

Khi sửa chữa sổ sách kế toán thủ công, khi sửa chữa xong thì còn nguyên hình dạng lúc ban đầu, sau đó dùng ba phương pháp sửa chữa sai sót để sửa chữa, nhưng sửa chữa sổ sách trên máy thì xoá sạch chỗ đã viết sai và ghi lại phần viết đúng.

Ví dụ, dùng phương pháp cải chính để so sánh: đối với sổ sách thu công, sửa chữa bằng cách gạch bỏ chỗ viết sai và viết đúng lại phía trên chỗ viết sai và ký tên người được quyền sửa chữa sai sót (kế toán trưởng hoặc người quản lý sổ trực tiếp).

Theo phương pháp này thì cách thức sửa chữa sai sót trên máy sẽ đơn giản hơn, bằng cách xoá sạch chỗ đã viết sai và gõ lại nội dung đúng ngay trên phần chỗ sai đã được xoá sạch, sau đó ký tên trên cạnh chỗ ghi đúng; in một tờ sổ ghi đúng cho vào sổ thay thế chỗ có ghi nội dung sai, tờ sổ có nội dung ghi sai được đính kèm bên cạnh tờ sổ có nội dung đúng.

Hai phương pháp còn lại là: phương pháp ghi đỏ và phương pháp ghi bổ sung, khi sửa chữa sai sót trên máy vi tính cũng tương tự bằng cách xoá sạch chỗ ghi sai, thay vào đó bằng cách

ghi đúng nội dung đã ghi sai và ký tên người được quyền sửa chữa sai sót bên cạnh chỗ ghi đúng; đính kèm tờ sổ ghi sai bên cạnh tờ sổ ghi đúng.

Trong trường hợp viết sai sót sau nhiều ngày mới phát hiện, dẫn đến số tổng cộng sai, báo cáo tài chính, báo cáo thuế và các báo cáo khác sai sót và đã gửi đi; thì phải sửa chữa sai sót toàn bộ, từ chỗ sai lần đầu cho đến lần cuối đó là các báo cáo và gửi cơ quan chủ quản, cơ quan thuế và các cơ quan chức năng khác; đính kèm bảng thuyết minh về trường hợp sai sót.

Như vậy, ta có thể gộp lại ba phương pháp sửa chữa sai sót sổ sách kế toán bằng phương pháp thủ công thành một phương pháp duy nhất sửa chữa sai sót sổ sách kế toán trên máy vi tính.

1.3.2. Kiến nghị:

Nếu việc sửa chữa sổ sách kế toán trên máy vi tính có nhiều thuận lợi hơn, thì việc quản lý sổ sách kế toán trên máy phải được chặt chẽ và cụ thể hơn.

Điều 12 - những quy định cụ thể - chế độ sổ sách kế toán trong Quyết định 1141/TC-QĐ-CĐKT, ngày 1/11/1995 của Bộ trưởng Bộ Tài chính “trường hợp ghi sổ bằng máy vi tính thì cuối kỳ kế toán sau khi hoàn thành các công việc ghi sổ và khoá sổ phải in toàn bộ hệ thống sổ tổng hợp và sổ chi tiết để lưu trữ và phục vụ công tác kiểm tra, kiểm toán, thanh tra tài chính”.

Theo tác giả, để thuận lợi cho các cơ sở sản xuất kinh doanh thực hiện chế độ sổ sách kế toán đúng quy định trên máy cũng như thuận lợi cho việc quản lý thuế đối với cơ quan thuế.

Trước khi thực hiện chế độ sổ sách kế toán qua máy vi tính, cơ sở sản xuất kinh doanh mở sổ sách kế toán phải đăng ký với cơ quan thuế:

- Hình thức mở sổ, gồm bao nhiêu sổ, phương pháp xác định hàng tồn kho.
- Xác nhận của cơ quan thuế đối với bộ sổ đã được đăng ký.
- Hàng tháng, quý, năm, cơ sở phải báo cáo tài chính và báo cáo thuế cho cơ quan thuế.
- Khi có sai sót, cơ sở phải sửa chữa đúng phương pháp và gửi cho cơ quan thuế, cơ quan chủ quản và các cơ quan hữu quan các báo cáo đã được sửa chữa và đính kèm tờ sổ sai sót.

Tóm lại, những quy định cụ thể hiện nay đối với việc mở sổ sách, khoá sổ, quản lý sổ, sửa chữa sai sót trên sổ và báo cáo đối với cơ quan chức năng; chế độ kế toán hiện hành chưa có quy định cụ thể và rõ ràng. Theo tôi, những quy định cụ thể về việc quản lý sổ sách trên máy vi tính, Bộ trưởng Bộ tài chính cần sớm ban hành bằng văn bản để thống nhất thực hiện đồng trên toàn quốc.

Nguồn: Kỹ yếu hội thảo khoa học “Gian lận trong khâu trừ thuế, hoàn thuế và hướng hoàn thiện thuế GTGT trong tiến trình hội nhập AFTA (CEPT)” – Tháng 1/2003